BIỂU MẪU 03

UBND QUẬN KIẾN AN
**TRƯỜNG MN HOA CÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# THÔNG BÁO
## Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

| Stt | Nội dung | Số lượng | Bình quân số $m^2$/trẻ |
|---|---|---|---|
| **I** | **Tổng số phòng** | 14 | 1,5 |
| **II** | **Loại phòng học** | | |
| 1 | Phòng học kiên cố | 14 | 1,5 |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | | |
| 3 | Phòng học tạm | | |
| 4 | Phòng học nhờ | | |
| **III** | **Số điểm trường** | 2 | |
| **IV** | **Tổng diện tích đất toàn trường** ($m^2$) | 1177 | 3.8 |
| **V** | **Tổng diện tích sân chơi** ($m^2$) | 600 | 2.0 |
| **VI** | **Tổng diện tích một số loại phòng** | | |
| 1 | Diện tích phòng sinh hoạt chung ($m^2$) | 60 | 1,5 |
| 2 | Diện tích phòng ngủ ($m^2$) | | |
| 3 | Diện tích phòng vệ sinh ($m^2$) | | |
| 4 | Diện tích hiên chơi ($m^2$) | | |
| 5 | *Diện tích phòng giáo dục thể chất($m^2$)* | | |
| 6 | *Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng ($m^2$)* | | |
| 7 | Diện tích nhà bếp và kho ($m^2$) | | |
| **VII** | **Tổng số thiết bị , đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính:bộ) | **14** | Số bộ/nhóm(lớp) |
| **1** | Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định | 14 | 14 |
| **2** | Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định | 0 | |
| **VIII** | **Tổng số đồ chơi ngoài trời** | 5 | Số bộ/sân chơi(trường) |
| **IX** | **Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v..)** | **17** | |
| **X** | **Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định) | | Số thiết bị/nhóm(lớp) |
| 1 | Ti vi | 11 | |
| 2 | Nhạc cụ ( Đàn ocgan, ghi ta, trống) | 02 | |
| 3 | Catsset | | |
| 5 | Đầu Video/đầu đĩa | | |
| 6 | Máy chiếu phi vật thể | | |
| 7 | Máy chiếu projecter | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 8 | Màn chiếu | 01 | |
| 9 | Bảng tương tác điện tử | | |
| 10 | Máy in | 17 | |
| 11 | Máy in+ pho to | 1 | |
| 12 | Máy Scan | 1 | |
| 13 | Máy tính sách tay | 2 | |
| 14 | Máy vi tính | 16 | |
| 15 | Thiết bị khác… | | |
| 16 | Đồ chơi ngoài trời | 5 | |
| 17 | Bàn học sinh | 100 | |
| 18 | Ghế học sinh | 320 | |
| 19 | Bảng quay 2 mặt | 5 | |
| 20 | Giá phơi khăn | 11 | |
| 21 | Giá để dép | 11 | |
| 22 | Giá đồ chơi góc văn học, âm nhạc, nội trợ, bán hàng, bác sĩ, xây dựng (mỗi loại 8 bộ) | 80 | |
| 23 | Tủ đồ dùng cá nhân | 11 | |
| 24 | Tủ để chăn chiếu | 11 | |
| 25 | Tủ cốc | 12 | |
| 26 | Cốc uống nước | 315 | |
| 27 | Chăn trần bông liền vỏ | 50 | |
| 28 | Gối | 310 | |
| 29 | Tủ cơm loại 50kg + 10 khay | 1 | |
| 30 | Tủ úp xoong | 01 | |
| 31 | Bàn chia ăn | 01 | |
| 32 | Bàn rửa 3 bồn | 0 | |
| 33 | Bếp ga công nghiệp to | 03 | |
| 34 | Tủ xấy bát công nghiệp | 01 | |
| 35 | Tủ lạnh 600l | 2 | |
| 36 | Máy xay nước đậu | | |
| 37 | Máy xay thịt công nghiệp | 1 | |
| 38 | Xe đẩy 2 tầng | | |
| 39 | Bàn sơ chế và chế biến thức ăn di động | 1 | |
| 40 | Thùng đựng gạo | 01 | |
| 41 | Bát, thìa ăn cơm và bộ đồ dùng ăn uống | | |
| 42 | Máy xay sinh tố | 01 | |
| 43 | Máy thái củ quả | 01 | |
| 44 | Trạn bát | 2 | |
| 45 | Bộ đồ dùng buffet | | |
| 46 | Bộ đồ xoong nồi, ấm chia đồ ăn chín | 27 | |

| | | Số lượng ($m^2$) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Dùng cho GV | Dùng cho học sinh | | Số $m^2$/trẻ em | |
| **XI** | **Nhà vệ sinh** | | Chung | Nam/ Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh* | 02 | 75$m^2$ | 4 | 3 | |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | | | | | |

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

| | | Có | Không |
|---|---|---|---|
| **XII** | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | x | |
| **XIII** | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng) | x | |
| **XIV** | Kết nối internet | x | |
| **XV** | Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục | x | |
| **XVI** | Tường rào xây | x | |

*Kiến An, ngày tháng 10 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

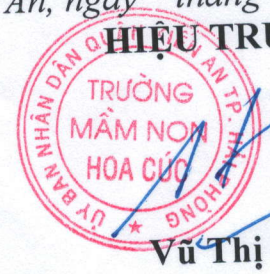


**Vũ Thị Hát**